

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH PHÚ
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 154/2017/DS-ST
Ngày 15- 9 - 2017
V/v tranh chấp hợp đồng vay
tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH PHÚ – TỈNH BẾN TRE.

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Phê.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Dương Văn Phúc

Ông Lê Văn Tài

Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Quỳnh Mai – Thư ký Tòa án nhân dân
huyện Thanh Phú, tỉnh Bến Tre.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Phú: Ông Nguyễn Phú
Quý – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 9 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Phú
xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 33/2017/TLST – KDTM ngày 02
tháng 6 năm 2017 về tranh chấp “ Hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa
vụ án ra xét xử số: 2238/2017/QĐST – DS ngày 18/8/2017 và Quyết định hoãn
phiên tòa số: 113/QĐST –DS ngày 01/9/2016 giữa các đương sự:

1. ***Nguyên đơn:*** Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam
– Chi nhánh huyện P. Đại diện theo ủy quyền là ông Trần Văn Bé H; chức vụ
giám đốc theo Quyết định số 510/QĐ – HĐTV – PC ngày 19/6/2014 của Chủ
tịch hội đồng thành viên Agribank.

Ông Trần Văn Bé H ủy quyền cho ông Nguyễn Văn T, sinh năm, sinh
năm 1977, chức vụ Phó giám đốc Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông
thôn Việt Nam – Chi nhánh huyện P (có mặt).

2. ***Bị đơn:*** Bùi Thị L, sinh năm 1973. Địa chỉ: 52/8 ấp TKA, xã H, huyện
P, tỉnh Bến Tre (vắng mặt).

3. ***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*** Hồ Minh M, sinh năm 1994.
Địa chỉ: Địa chỉ: 52/8 ấp TKA, xã H, huyện P, tỉnh Bến Tre (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng tại Tòa người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh huyện Thanh Phú ông Nguyễn Văn T trình bày:

Vào ngày 26/05/2012 Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh huyện P có cho bà Bùi Thị L và anh Hồ Minh M vay số tiền 40.000.000 đồng, mục đích vay tiền để chăn nuôi bò thịt, thời hạn vay 12 tháng, lãi suất vay 17%/năm; lãi suất quá hạn là 25.5%/năm, thời hạn trả nợ cuối cùng là ngày 28/5/2013. Khi đến hạn trả nợ bà L, anh M có trả cho ngân hàng nợ gốc 7.819.058 đồng, nợ lãi 6.180.942. Đồng thời bà L, anh M nhiều lần hứa hẹn trả nợ cho ngân hàng nhưng không thực hiện. Tính đến ngày 15 tháng 9 năm 2017 bà L, anh M còn nợ Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh huyện P vốn vay là 32.180.942 đồng, tiền lãi 16.481.332 đồng.

Tại phiên tòa đại diện Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh huyện P yêu cầu bà L, anh M phải liên đới nghĩa vụ giao trả cho Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh huyện P số tiền 48.662.274 đồng (trong đó vốn vay là 32.180.942 đồng, tiền lãi 16.481.332 đồng).

Theo bản tự khai và trong quá trình tố tụng tại Tòa án bị đơn Bùi Thị L trình bày:

Bà thừa nhận bà và anh M có vay tiền tại Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh huyện P và còn nợ ngân hàng số tiền vốn vay và nợ lãi như đại diện ngân hàng trình bày. Mục đích vay tiền để chăn nuôi bò thịt, do gia đình khó khăn nên không có khả năng trả vốn và lãi tiếp cho ngân hàng.

Qua yêu cầu của Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh huyện P thì bà và anh M đồng ý liên đới trả cho Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh huyện P số tiền vốn vay là 32.180.942 đồng, nợ lãi phát sinh đúng như ngân hàng trình bày, tuy nhiên bà yêu cầu được kéo dài thời gian trả nợ.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về trình tự thủ tục: Thẩm phán và Hội đồng xét xử sơ thẩm đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý cho đến khi đưa vụ án ra xét xử. Tại phiên tòa nguyên đơn đã thực hiện đúng qui định tại các Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự, riêng bị đơn và người có

quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chưa thực hiện đúng qui định tại các Điều 70, 72, 73 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn, bị đơn thống nhất nợ gốc là 32.180.942 đồng nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Đối với việc nguyên đơn tính lãi là có căn cứ, bởi lẽ bà L, anh M đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ trong một thời gian dài làm ảnh hưởng đến quyền lợi của nguyên đơn. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu tính lãi của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Đây là vụ án “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Về thẩm quyền: Bị đơn Bùi Thị L hiện có sinh sống và đăng ký hộ khẩu ấp TKA, xã H, huyện P, tỉnh Bến Tre do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú theo quy định tại khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về tố tụng: Bị đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, vì vậy căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015 Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

[4] Về nội dung: Trong quá trình giải quyết vụ án đại diện ngân hàng và bà L thống nhất bà L, anh M còn nợ ngân hàng 32.180.942 đồng. Tại phiên tòa bà L, anh M vắng mặt; riêng đại diện ngân hàng vẫn giữ yêu cầu bà L, anh M phải trả cho ngân hàng một lần tiền vốn vay là 32.180.942 đồng. Xét thấy hợp đồng vay tài sản giữa nguyên đơn và bị đơn được xác lập trên cơ sở tự nguyện và bình đẳng không bên nào bị lừa dối hoặc bị ép buộc và tuân theo quy định tại Điều 121, Điều 122 của Bộ luật dân sự 2005 nên được xem là hợp đồng hợp pháp. Do vậy làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên và các bên phải có trách nhiệm thực hiện các thỏa thuận đã cam kết trong hợp đồng. Quá trình thực hiện hợp đồng bà L đã vi phạm hợp đồng mà hai bên đã ký kết làm phát sinh tranh chấp. Lễ đó ông Nguyễn Văn T yêu cầu bà L giao trả cho Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh huyện P số tiền vốn vay 32.180.942 đồng là phù hợp với Điều 471, 474 của Bộ luật dân sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Xét yêu cầu của Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh huyện P về việc yêu cầu bà L phải trả lãi phát sinh đến ngày 15/9/2017 với số tiền là 16.481.332 đồng. Xét thấy do bà L đã vi phạm hợp đồng mà hai bên đã ký kết, để đảm bảo quyền lợi của Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh huyện P cần buộc bà L phải trả lãi cho Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh huyện P. Mặt khác lãi suất Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh huyện P yêu cầu bà L là phù hợp với quy định tại Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Xét yêu cầu của Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh huyện P về việc yêu cầu anh M phải có nghĩa vụ liên đới với bà L trả cho ngân hàng vốn vay 32.180.942 đồng và tiền lãi 16.481.332 đồng. Xét thấy trong quá trình giải quyết vụ án bà L thừa nhận anh M có ký tên là người thừa kế vào sổ vay vốn; anh M biết rõ anh và bà L có nợ ngân hàng, đồng thời Tòa án đã tổng đạt hợp lệ nhưng ông M vắng mặt không có lý do. Do đó cần buộc anh M, bà L liên đới trả cho ngân hàng số tiền vốn vay 32.180.942 đồng và tiền lãi 16.481.332 đồng là phù hợp.

[7] Bà Bùi Thị L, anh Hồ Minh M phải nộp án phí theo quy định của pháp luật, được tính như sau: $5\% \times 48.662.274 \text{ đồng} = 2.433.113 \text{ đồng}$

[8] Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 26, điểm b, khoản 1 Điều 35, 39, 147, 227, 266 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 471, 474, 476 Bộ luật dân sự 2005; Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí của Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh huyện P. Buộc bà Bùi Thị L và anh Hồ Minh M có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh huyện P số tiền 48.662.274 đồng (trong đó vốn vay là 32.180.942 đồng, tiền lãi 16.481.332 đồng).

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền

lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Bùi Thị L và anh Hồ Minh M phải liên đới nộp là 2.433.113 đồng.

Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh huyện P được Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Phú hoàn trả số tiền 3.000.000 đồng theo biên lai thu số 0010597 ngày 02/6/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Phú.

Đương sự có mặt tại tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện;
- TAND tỉnh;
- Đương sự;
- Chi cục THADS huyện;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(Đã ký)**

HUỲNH THỊ PHÊ

